

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2024
và giải pháp thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2024**

Phần I

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI
NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024**

I. Tình hình thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2024

Thực hiện Nghị quyết Hội đồng nhân dân huyện khoá XX, kỳ họp thứ 11 về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước huyện Quảng Ninh năm 2024; Nghị quyết Hội đồng nhân dân huyện khoá XX, kỳ họp thứ 14 về việc phê chuẩn điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước huyện Quảng Ninh năm 2024; Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 về việc giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho các cơ quan, đơn vị và các xã, thị trấn và Quyết định số 876/QĐ-UBND ngày 28/5/2024 về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 tại Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Quảng Ninh.

Triển khai thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2024 trong điều kiện tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức, sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh nói chung và địa bàn huyện nói riêng phục hồi chậm, giá cả nguyên vật liệu biến động bất thường, thị trường bất động sản có phục hồi tuy nhiên giao dịch mua bán chưa sôi động... đã tác động trực tiếp đến nguồn thu tiền sử dụng đất và việc sản xuất, kinh doanh của các cá nhân, doanh nghiệp, nhưng với sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện uỷ, HĐND, UBND huyện; sự phối hợp của các phòng, ban, ngành, địa phương, các cơ quan trên địa bàn huyện đã đoàn kết, thống nhất, nỗ lực phấn đấu, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. UBND huyện đã tổ chức Hội nghị triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐND huyện về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển KT-XH và dự toán NSNN năm 2024, các hội nghị về đẩy nhanh thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công, giao chỉ tiêu thu tiền sử dụng đất và phát triển quỹ đất được thực hiện quyết liệt ngay từ đầu năm. Kết quả thu ngân sách trên địa bàn ước 6 tháng đầu năm đạt được cụ thể như sau:

1. Thu ngân sách huyện

Tổng thu ngân sách 6 tháng năm 2024 ước đạt 805.317,00 triệu đồng, đạt 90,2% dự toán tỉnh giao và đạt 83,3% dự toán huyện giao. Trong đó: Thu ngân sách trên địa bàn thực hiện 170.052,63 triệu đồng, đạt 47,7% dự toán tỉnh giao và đạt 39,5% dự toán huyện giao, tăng 94,0% so với cùng kỳ năm trước. (Bao gồm giao đất ngang giá có thông báo nộp tiền của Chi cục thuế để khách hàng nộp tiền sử dụng đất 65.000 triệu đồng)

Bao gồm:

- Thu ngân sách Trung ương hưởng 2.270,25 triệu đồng.

- Thu ngân sách tỉnh hưởng 23.755,20 triệu đồng.
- Tổng thu ngân sách huyện hưởng 779.291,55 triệu đồng. Trong đó:
 - + Thu ngân sách trên địa bàn huyện hưởng 144.027,18 triệu đồng, đạt 40,5% dự toán huyện giao.

+ Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên 443.913,24 triệu đồng.

+ Thu chuyển nguồn ngân sách 191.351,13 triệu đồng.

Một số khoản thu đạt tiến độ dự toán huyện giao: Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (bao gồm thu trên địa bàn và thu tỉnh điều tiết) đạt 206,4% dự toán; Thu tiền cho thuê đất (bao gồm thu trên địa bàn và thu tỉnh điều tiết) đạt 170,0% dự toán; Thu thuế CTN&DV ngoài quốc doanh đạt 115,4% dự toán; Thu phí, lệ phí đạt 92,5% dự toán; Thu phạt ATGT đạt 89,7% dự toán; Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 87,8% dự toán; Thu tại xã đạt 87,5% dự toán; Thuế thu nhập cá nhân đạt 57,7% dự toán.

Các khoản thu chưa đạt dự toán: Thu tiền sử dụng đất đạt 31,5% dự toán; Lệ phí trước bạ đạt 48,7% dự toán; Thu khác ngân sách đạt 16,26% dự toán.

(Có phụ lục I và II kèm theo)

2. Chi ngân sách huyện

Tổng chi ngân sách huyện ước thực hiện 6 tháng năm 2024 là 481.357,00 triệu đồng, đạt 54,0% dự toán (Chi ngân sách cấp huyện 400.508,50 triệu đồng, chi ngân sách cấp xã 80.848,50 triệu đồng).

Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: thực hiện 94.860,00 triệu đồng, đạt 30,6% dự toán huyện giao (Chi ngân sách cấp huyện 81.037,00 triệu đồng; chi ngân sách cấp xã 13.823,00 triệu đồng).

Nguồn vốn ngân sách tập trung được phân bổ từ đầu năm. Trong những tháng đầu năm 2024, nguồn thu tiền sử dụng đất rất khó khăn nên chỉ ưu tiên bố trí trả nợ cho các công trình chuyển tiếp. Đã thực hiện thanh toán tạm ứng vốn năm 2023 đã chuyển nguồn sang năm 2024 chi tiếp cho các công trình.

Đối với nguồn đầu tư phát triển các CTMTQG năm 2024:

+ Chương trình MTQG XDNTM: đã phân bổ nguồn vốn cho các công trình đã phê duyệt BCKTKT với số tiền: 10.125 triệu đồng; trong đó: nguồn vốn NSTW là 9.031 triệu đồng; nguồn vốn đối ứng ngân sách tỉnh là 1.094 triệu đồng.

+ Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và miền núi: đã phân bổ nguồn vốn NSTW cho các công trình đã phê duyệt BCKTKT với số tiền: 24.076 triệu đồng; (trong đó: nguồn vốn năm 2023 chuyển sang là 5.490 triệu đồng; nguồn vốn năm 2024 là 18.586 triệu đồng).

- Chi thường xuyên: thực hiện 285.812,66 triệu đồng, đạt 50,5% dự toán (Chi ngân sách cấp huyện 218.787,16 triệu đồng; chi ngân sách cấp xã 67.025,5 triệu đồng).

Đầu năm 2024, nguồn thu thường xuyên khó khăn nên chủ yếu phân bổ kinh phí thực hiện các chế độ chính sách; thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo an ninh trật tự và vệ sinh môi trường dịp Tết Nguyên đán; đảm bảo kinh phí Đại hội Mặt trận TQVN huyện Quảng Ninh và Đại hội một số tổ chức khác; kinh phí tham gia các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn...

Đối với nguồn sự vốn sự nghiệp 03 Chương trình MTQG năm 2024, UBND huyện chỉ đạo phòng Tài chính - Kế hoạch huyện phối hợp với các ngành liên

quan tham mưu UBND huyện trình Thường vụ Huyện ủy, Thường trực HĐND huyện phân bổ kinh phí kịp thời cho các cơ quan, đơn vị và các xã có liên quan. UBND huyện đã ban hành Quyết định 175/QĐ-UBND ngày 23/02/2024 về việc phân bổ vốn sự nghiệp ngân sách nhà nước thực hiện 03 CTMTQG năm 2023 với tổng số tiền: 46.448 triệu đồng; trong đó: nguồn vốn NSTW+NST là 46.219 triệu đồng; nguồn vốn đối ứng ngân sách huyện là 229 triệu đồng.

- Chi dự phòng ngân sách cấp huyện 6.184,34 triệu đồng. Nguồn dự phòng ngân sách cấp huyện được sử dụng để thực hiện các nhiệm vụ như sau: Công tác đảm bảo quốc phòng địa phương, cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn huyện; Công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, bảo đảm an ninh trật tự trên địa bàn huyện; Công tác phòng cháy, chữa cháy rừng, phòng chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm, thủy sản; Hỗ trợ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện phòng chống thiên tai, dịch bệnh, phòng cháy chữa cháy và một số nhiệm vụ đột xuất, cấp bách chưa được bố trí trong dự toán đầu năm.

- Chi chuyển giao ngân sách 94.500 triệu đồng.

(Có phụ lục I và III, IV kèm theo)

3. Ngân sách xã

- Thu ngân sách

Tổng thu ngân sách xã ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2024 là 169.838,81 triệu đồng, đạt 85,2% dự toán huyện giao, tăng 2,2% so với cùng kỳ. Trong đó: Thu trên địa bàn là 48.739,77 triệu đồng, đạt 42,5% dự toán huyện giao, tăng 171,8% so với cùng kỳ.

+ Thu các khoản hưởng 100% là 5.599,34 triệu đồng, đạt 108,7% dự toán, giảm 8,6% so với cùng kỳ. Trong đó: Thu phí, lệ phí 149,99 triệu đồng, đạt 34,5% dự toán, giảm 23,3% so với cùng kỳ; thu hoa lợi đất công 3.558,62 triệu đồng, đạt 91,4% dự toán, giảm 30,0% so với cùng kỳ; thu khác ngân sách 568,85 triệu đồng, đạt 69,4% dự toán, tăng 0,8% so với cùng kỳ; thu các khoản đóng góp 1.321,9 triệu đồng.

+ Thu hưởng theo tỷ lệ (%) là 43.140,43 triệu đồng, đạt 39,4% dự toán huyện giao, tăng 281,2% so với cùng kỳ. Trong đó: Lệ phí môn bài 184,98 triệu đồng, đạt 95,3% dự toán, tăng 5,8% so với cùng kỳ; thu tiền sử dụng đất 36.261,09 triệu đồng, đạt 35,0% dự toán, tăng 402,6% so với cùng kỳ; thuế tài nguyên 3.466,75 triệu đồng, đạt 217,8% dự toán, tăng 155,8% so với cùng kỳ; phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản 921,98 triệu đồng, đạt 101,1% dự toán, tăng 20,8% so với cùng kỳ; lệ phí trước bạ 656,09 triệu đồng, đạt 48,1% dự toán, tăng 2,9% so với cùng kỳ; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 61,4 triệu đồng, đạt 84,2% dự toán, tăng 17,3% so với cùng kỳ; thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản 564,38 triệu đồng, đạt 262,5% dự toán, giảm 22,1% so với cùng kỳ; thu tiền thuê mặt đất, mặt nước 95,89 triệu đồng, đạt 213,1% dự toán, tăng 48,3% so với cùng kỳ; thuế GTGT 599,87 triệu đồng, đạt 64,9% dự toán, tăng 11,8% so với cùng kỳ; thuế thu nhập cá nhân 325,49 triệu đồng, đạt 55,7% dự toán, tăng 16,7% so với cùng kỳ; thuế tiêu thụ đặc biệt 2,24 triệu đồng, đạt 112,0% dự toán, tăng 83,6% so với cùng kỳ.

+ Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên 94.315,53 triệu đồng. Trong đó: Thu bổ sung cân đối ngân sách 43.129,30 triệu đồng; thu bổ sung có mục tiêu 51.186,23 triệu đồng.

+ Thu chuyển nguồn ngân sách năm 2023 sang năm 2024 chi tiếp 26.783,52 triệu đồng.

Có 7/15 xã ước thu trên địa bàn đạt tiến độ dự toán: xã An Ninh đạt 150,3% dự toán; xã Duy Ninh đạt 108,7% dự toán; xã Vĩnh Ninh đạt 106,1% dự toán; xã Xuân Ninh đạt 69,3% dự toán; xã Hiền Ninh đạt 63,6% dự toán; xã Lương Ninh đạt 56,7% dự toán; xã Trường Xuân đạt 50,7% dự toán.

Có 8/15 xã ước thu trên địa bàn không đạt tiến độ dự toán nguyên nhân chủ yếu là do nguồn thu tiền sử dụng đất không đạt tiến độ dự toán: Xã Võ Ninh, xã Vạn Ninh, xã Hải Ninh, xã Gia Ninh, xã Hàm Ninh, xã Xuân Ninh, xã Trường Sơn, Thị trấn Quán Hàu.

Nhìn chung trong 6 tháng đầu năm 2024, các xã, thị trấn đã tập trung thu các khoản thu tại xã như hoa lợi công sản, thu khác ngân sách, thu phí, lệ phí và phối hợp với các đội thuế để thu các khoản hưởng tỷ lệ điều tiết như lệ phí môn bài, lệ phí trước bạ, thuế tài nguyên, thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền thuê mặt đất, mặt nước... để cân đối nguồn chi thường xuyên và chi lương. Thu trên địa bàn các xã, thị trấn cơ bản đảm bảo được tiến độ thu ngân sách.

(Có phụ lục V kèm theo)

- Chi ngân sách

Tổng chi ngân sách xã ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2024 là 80.848,50 triệu đồng, đạt 39,6% dự toán. Trong đó:

+ Chi thường xuyên 67.025,50 triệu đồng, đạt 70,0% dự toán huyện giao, tăng 15,8% so với cùng kỳ. Trong 6 tháng đầu năm 2024 các định mức trong chi thường xuyên ổn định và các xã đã bám sát dự toán giao đầu năm nên kinh phí chi thường xuyên không vượt dự toán giao đầu năm.

+ Chi đầu tư phát triển 13.823,00 triệu đồng, đạt 13,3% dự toán, giảm 69,7% so với cùng kỳ.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Đánh giá chung công tác thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

Công tác thu ngân sách trên địa bàn luôn được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của Thường trực Huyện uỷ, HĐND huyện. Ngay từ đầu năm, huyện đã chỉ đạo cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai đồng bộ các giải pháp thu ngân sách trên địa bàn; chủ động rà soát các nguồn thu, tăng cường đôn đốc thu, thu thuế nợ của các năm trước, kiểm tra, xử lý các vi phạm pháp Luật thuế. Trong 6 tháng đầu năm, nhiều đơn vị đã cố gắng phấn đấu thực hiện tốt chỉ tiêu thu ngân sách trên địa bàn và đạt được những kết quả nhất định, đáp ứng phần nào nhiệm vụ chi ngân sách của địa phương.

Sau khi có Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ và các Nghị quyết của HĐND tỉnh, huyện về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; UBND huyện đã ban hành và triển khai thực hiện nhiều văn bản chỉ đạo tăng cường công tác quản lý thu và tăng thu ngân sách, chỉ đạo ngành Thuế tập trung, triển khai công tác hỗ trợ người nộp thuế nhanh chóng hồi phục sản xuất kinh doanh; đồng thời tăng cường quản lý thu ngân sách ngay từ tháng đầu, quý đầu để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ thu NSNN năm 2024 đã được giao.

Kết quả thu ngân sách trên địa bàn ước 6 tháng đầu năm đạt được nhiều kết quả khá tích cực. Tuy vậy, số thu chưa đảm bảo mục tiêu, tiến độ; một số khoản thu quan trọng như thu từ Lệ phí trước bạ, thu khác ngân sách, thu tiền sử dụng đất

không đạt dự toán đặt ra. Thất thu ngân sách ở một số lĩnh vực mặc dù cơ quan thuế đã triển khai nhiều biện pháp để chống thất thu thuế nhưng hiệu quả chưa cao, sự phối hợp của các cơ quan, ban ngành có liên quan trong chống thất thu còn hạn chế. Nguyên nhân thu ngân sách chưa đạt tiến độ dự toán chủ yếu là do khoản thu tiền sử dụng đất không đạt. Thị trường bất động sản trầm lắng, nhu cầu của người dân chủ yếu mua đất nhỏ lẻ khu dân cư để ở nên các dự án phát triển quỹ đất ít quan tâm, do tác động suy giảm kinh tế, chính sách thắt chặt tín dụng dẫn đến nguồn thu đầu giá quyền sử dụng đất, thu thuế trước bạ, thuế TNCN thấp.

Tuy nhiên hiện nay, thị trường bất động sản có chiều hướng ấm dần lên cũng tác động đến tình hình thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện. Vì vậy, một số khoản thu đạt dự toán cao như thuế CTN & DV ngoài quốc doanh, Thu phí và lệ phí, thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền sử dụng đất có chiều hướng tăng hơn so với cùng kỳ năm trước...

2. Đánh giá chung công tác chi ngân sách nhà nước trên địa bàn

Trong bối cảnh thu ngân sách còn khó khăn trong khi nhu cầu chi ngân sách vẫn phải đảm bảo nên ngay từ đầu năm, UBND huyện đã chỉ đạo, hướng dẫn kịp thời cho các ngành, các cấp về điều hành chi NSNN đảm bảo chặt chẽ, theo đúng dự toán được duyệt, sử dụng ngân sách triệt để tiết kiệm, hiệu quả, đúng chế độ quy định. Lồng ghép các chính sách, xây dựng phương án tiết kiệm để thực hiện ngay từ khâu phân bổ dự toán và trong quá trình thực hiện; rà soát sắp xếp các nhiệm vụ chi, cắt giảm tối đa các khoản chi phát sinh ngoài dự toán. Các nhiệm vụ chi ngân sách trong 6 tháng đầu năm 2024 được thực hiện theo dự toán, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

Đối với nhiệm vụ chi thường xuyên: Công tác giao dự toán cho các cơ quan, đơn vị kịp thời, trong 6 tháng đầu năm 2024 về cơ bản đã đảm bảo nguồn lực chi phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, ổn định quốc phòng - an ninh, chi đủ chế độ con người và phục vụ các nhiệm vụ cơ bản, cấp bách của Đảng, chính quyền đoàn thể, các hoạt động văn hoá, thể dục thể thao, chính sách xã hội được kịp thời... Các phòng, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp huyện và xã, thị trấn đã nghiêm túc tổ chức triển khai các giải pháp đề ra, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, chi ngân sách nhà nước. Cơ quan tài chính và Kho bạc Nhà nước tăng cường công tác quản lý, kiểm soát chi NSNN, đảm bảo chặt chẽ, đúng chế độ. Nhờ đó, công tác điều hành chi NSNN được thực hiện chủ động, tích cực; kỷ luật tài chính được tăng cường, nâng cao hiệu quả sử dụng NSNN. Các nhiệm vụ chi ngân sách cơ bản được đảm bảo theo đúng dự toán, đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, chính trị của các đơn vị sử dụng ngân sách.

Đối với nhiệm vụ chi đầu tư phát triển: Công tác phân vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo Nghị quyết HĐND huyện giao được thực hiện nghiêm túc. UBND huyện đã tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án và giải ngân nguồn vốn; thường xuyên rà soát các công trình đã có khối lượng thực hiện, khẩn trương làm thủ tục thanh toán vốn; đã chủ động rà soát tiến độ giải ngân của từng dự án để xây dựng phương án cắt giảm, điều chuyển vốn chậm giải ngân sang các dự án có khả năng giải ngân tốt hơn, đảm bảo hiệu quả vốn đầu tư. Trong thời gian tới, cần tiếp tục tập trung triển khai quyết liệt các giải pháp, đẩy nhanh tiến độ giải ngân, đặc biệt là nguồn vốn ngân sách đầu tư công Trung ương, tỉnh góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Phần II
NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN
DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2024

Theo dự báo thì kinh tế tỉnh ta nói chung và của huyện nói riêng trong thời gian tới có dấu hiệu chuyển biến tích cực song vẫn còn nhiều khó khăn sẽ làm ảnh hưởng nặng nề đến công tác thu ngân sách. Việc triển khai thực hiện Nghị Quyết số 42/2023/UBTVQH15, Nghị định số Nghị định 94/2023/NĐ-CP và dự kiến Chính phủ sẽ có nhiều chính sách nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp trong quá trình sản xuất kinh doanh trong năm 2024 (dự kiến chính sách giảm thuế giá trị gia tăng sẽ được duy trì đến 31/12/2024 như đã được quy định tại Nghị quyết số 110/2023/QH15, gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất, giảm lệ phí trước bạ...), theo đó số thu ngân sách ở một số sắc thuế sẽ giảm, áp lực thu ngân sách trong những tháng cuối năm sẽ rất lớn. Để đạt được mục tiêu tăng trưởng và thu ngân sách nhà nước đạt dự toán HĐND huyện đã giao, các ngành, các cấp cần tập trung triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả nhiều giải pháp tăng cường nguồn thu, gắn với linh hoạt trong quản lý, điều hành chi ngân sách, cụ thể:

1. Tăng cường quản lý thu NSNN, phấn đấu hoàn thành vượt dự toán được HĐND huyện giao.

- Tiếp tục bám sát Nghị quyết, Chỉ thị của Chính phủ, HĐND, UBND tỉnh, HĐND huyện chỉ đạo, điều hành của cơ quan trung ương về các nhiệm vụ giải pháp chủ yếu về thực hiện nhiệm vụ tài chính - ngân sách.

- Cơ quan Thuế, Tài chính tăng cường công tác thu, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng tăng cường quản lý thu, chống thất thu và xử lý nợ đọng thuế; thực hiện giảm, hoãn, miễn các loại thuế theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

- Cơ quan thuế chủ động rà soát, đánh giá để tham mưu, kiến nghị với cấp có thẩm quyền các giải pháp để đôn đốc thu kịp thời những nguồn thu còn tiềm năng, các lĩnh vực, loại thuế còn thất thu, các ngành nghề phát sinh mới...; về cơ chế, chính sách, cải cách thủ tục hành chính nhằm khuyến khích, thu hút đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, kiểm tra hoàn thuế giá trị gia tăng, phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp gian lận, lợi dụng chính sách hoàn thuế để chiếm đoạt tiền của NSNN; tổ chức triển khai thực hiện tốt các Luật thuế mới đi đôi với đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực thuế, hải quan; công khai, minh bạch các quy trình, thủ tục hành chính thuế, hải quan.

- Các phòng, ban ngành, đơn vị liên quan tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án phát triển quỹ đất, các dự án khu nhà ở thương mại, khu đô thị đã được phê duyệt chủ trương đầu tư để tăng thu ngân sách, phấn đấu hoàn thành kế hoạch thu ngân sách nhà nước năm 2024; rà soát, dự báo các phương án về nguồn thu, xây dựng kịch bản thu chi, điều hành ngân sách năm 2024 để vừa hỗ trợ các doanh nghiệp theo chỉ đạo của Chính phủ vừa đảm bảo ngân sách phục vụ công tác điều hành của UBND tỉnh, UBND huyện và phát triển kinh tế - xã hội. Thường xuyên rà soát tài khoản tạm thu, tạm giữ để chuyển nộp NSNN đúng quy định; đôn đốc các khoản phải thu theo kết quả kiểm toán, thanh tra và các cơ quan bảo vệ

pháp luật.

- Đẩy nhanh tiến độ trong việc xác định giá đất cụ thể, xác định giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất, nhất là đối với các khu có lợi thế trong việc sử dụng đất làm mặt bằng sản xuất kinh doanh, thương mại và dịch vụ để xác định giá khởi điểm, triển khai kịp thời công tác sắp xếp, xử lý tài sản, đấu giá tài sản trên đất gắn liền với đất theo quy định của Luật đầu tư công để thực hiện các dự án có liên quan đến tài sản công.

+ Tiếp tục xây dựng phương án giao đất ngang giá khởi điểm cho 155 thửa đất ở 10 xã, thị trấn với giá khởi điểm ước trên 153,5 tỷ đồng để tăng thu ngân sách, phân đấu hoàn thành kế hoạch thu ngân sách nhà nước năm 2024 theo kế hoạch UBND huyện giao đạt 430 tỷ; trong đó, thu tiền sử dụng đất trên địa bàn đạt trên 360 tỷ đồng.

+ UBND các xã, thị trấn đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đất nhỏ lẻ trong khu dân cư, các thửa đất không hình thành lô đất để hoàn thiện thủ tục tính pháp lý về trích đo phân lô, lập phương án để định giá tổ chức đấu giá trước 30/8. Tăng cường công tác tuyên truyền người dân chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất vườn liền kề sang đất ở theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã duyệt tăng thu ngân sách. Hạn chế thấp nhất việc xây dựng trái phép trên đất chưa chuyển đổi đúng mục đích sử dụng đất. Chủ động, tích cực, điều hành công tác thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, cần phải tập trung cao độ để hoàn thành dự toán thu NSNN trên địa bàn đã được UBND huyện giao, coi đây là một trong những nhiệm vụ kinh tế - xã hội quan trọng của địa phương, cần có sự tích cực vào cuộc của cả hệ thống chính trị, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh, dịch vụ nhằm tăng thu ngân sách một cách bền vững.

+ Chỉ đạo ngành chức năng, các địa phương tích cực tuyên truyền, giải thích, yêu cầu xử lý nghiêm các trường hợp cố tình gian lận, kê khai giảm giá trị chuyển nhượng trên các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhằm mục đích trốn thuế theo đúng quy định của pháp luật...

+ Tập trung thu, nhất là thuế tồn đọng, các dự án thương mại, dịch vụ, nhà ở thương mại. Có giải pháp mạnh, đúng chính sách pháp luật đối với các đơn vị có số nợ lớn còn chây ì, kéo dài, trong đó đặc biệt quan tâm đối với Công ty TNHH Xây dựng Việt Tiến đang nợ tiền sử dụng đất dự án trên địa bàn xã Võ Ninh; Tiền thuế thuê đất của tập đoàn FLC tại Hải Ninh.

+ UBND các xã, thị trấn tăng cường quản lý chặt chẽ việc khai thác cát, sạn của các tổ chức, cá nhân đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động trên địa bàn để phối hợp với Chi cục Thuế thu các loại thuế, phí liên quan.

+ Tập trung hoàn thiện phương án đấu giá tài sản tận thu các công trình đường dây 500kv; 220 kv thuộc di dời các công trình phụ trợ tuyến Cao tốc Bắc Nam đoạn Bùng - Vạn Ninh tăng thu ngân sách.

+ Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án phát triển quỹ đất đã được phê duyệt chủ trương đầu tư, đẩy nhanh tiến độ các dự án đang triển khai thi công để định giá tổ chức đấu giá trong thời gian sớm nhất như dự án phát triển quỹ đất Trường Niên, Tái định cư Thôn Tây Võ Ninh, Tái định cư Tân Định Hải Ninh...

+ Hoàn thiện thủ tục đấu giá các cơ sở nhà đất của các cơ quan đơn vị đã được UBND tỉnh quyết định theo đấu giá tài sản công tại NĐ 67 như trụ sở BQL

các CTCC, Đội thuế Hiền Ninh, Đội thuế Dinh Mười, Trạm bảo vệ thực vật Khe Dinh Thủy xã Võ Ninh để tăng nguồn thu.

+ Phối hợp với các ban ngành cấp tỉnh, phòng ban cấp huyện hoàn chỉnh thủ tục pháp lý đầu đất của các dự án dịch vụ thương mại khi có Quyết định của UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư tăng nguồn thu.

+ Phối hợp với Sở xây dựng - Chủ đầu tư các dự án Nhà ở Thương mại Đá Lã, Ruộng Nhất tại Thị Trấn Quán Hầu sớm định giá thuê đất dự án theo tiến độ để có nguồn thu trong năm theo Nghị quyết HĐND tỉnh giao.

2. Tổ chức điều hành, quản lý chi ngân sách nhà nước chặt chẽ, đúng chế độ quy định; bảo đảm sử dụng NSNN, tiền và tài sản nhà nước tiết kiệm, hiệu quả.

- Siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính, quản lý chặt chẽ thu, chi ngân sách; nâng cao hiệu quả sử dụng NSNN; chỉ đề xuất ban hành chính sách, kế hoạch, đề án làm tăng chi ngân sách khi thật sự cần thiết và có nguồn đảm bảo.

- Thực hiện điều hành ngân sách chủ động, tích cực, đảm bảo cân đối ngân sách các cấp, chủ động rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi; quản lý chặt chẽ, chi trong phạm vi dự toán được giao. Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024. Yêu cầu các chủ đầu tư tập trung thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, của UBND tỉnh, UBND huyện về các giải pháp đẩy nhanh thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2024. Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát đầu tư, nâng cao hiệu quả đầu tư, chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng. Thực hiện nghiêm quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật đầu tư công, Luật xây dựng ...và các văn bản hướng dẫn, xử lý nợ đọng XDCB. Chỉ đề xuất ban hành chính sách làm tăng chi NSNN trong trường hợp thật sự cần thiết và có nguồn đảm bảo.

- Điều hành chi NSNN chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, theo dự toán giao. Tiết kiệm triệt để các khoản chi ngân sách, nhất là chi thường xuyên, chi sự nghiệp có tính chất đầu tư; tăng cường công tác kiểm soát chi, bảo đảm chi đúng, chi đủ, có hiệu quả; tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Kiên quyết cắt giảm những khoản chi thường xuyên ngân sách đã được giao trong dự toán đầu năm nhưng chưa thực hiện phân bổ theo quy định.

- Thực hiện nghiêm quy định của pháp luật về đầu tư công; nâng cao chất lượng xây dựng kế hoạch, đảm bảo phù hợp với năng lực và khả năng thực hiện của dự án; khẩn trương, quyết liệt, hiệu quả trong chuẩn bị đầu tư, phân bổ vốn; tập trung tháo gỡ vướng mắc, tăng cường hiệu quả tổ chức thực hiện theo nguyên tắc hậu kiểm, đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, phân đấu đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công. Xây dựng các giải pháp thiết thực, khả thi để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm, 03 chương trình mục tiêu quốc gia.

- Thực hiện triệt để tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng. Chỉ đạo thực hiện nghiêm các kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và việc xử lý sau thanh, kiểm tra, kiểm toán đối với những trường hợp vi phạm, gây lãng phí tiền, tài sản nhà nước, tài nguyên thiên nhiên. Kho bạc Nhà nước tăng cường kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc chi tiêu, đảm bảo đúng chính sách, chế độ quy định, nhất là các khoản chi xây dựng trụ sở, mua sắm phương tiện, trang thiết bị đắt tiền.

- Đẩy mạnh việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách tài chính công, nhất là đẩy mạnh tự chủ, nâng mức độ tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Tập trung tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp.

- Các phòng, ban, ngành chủ động tham mưu, tháo gỡ khó khăn, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi thúc đẩy sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, HTX. Tập trung chỉ đạo triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất - kinh doanh, góp phần tạo nguồn thu ổn định, vững chắc cho NSNN. Tập trung hỗ trợ, giải quyết kịp thời những vướng mắc cho doanh nghiệp.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính về thuế tạo điều kiện cho các tổ chức, doanh nghiệp; đơn đốc, hướng dẫn doanh nghiệp kê khai thuế, nộp thuế điện tử, tổ chức đối thoại, lắng nghe ý kiến doanh nghiệp...; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, đổi mới phương pháp làm việc, nâng cao tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ công chức trong thực thi công vụ nhằm cải thiện môi trường đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp, thúc đẩy sản xuất kinh doanh.

- Triển khai kịp thời các văn bản chỉ đạo, giải pháp về cơ chế, chính sách nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Tạo động lực thúc đẩy thu hút đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh, khuyến khích phát triển sản xuất và tăng trưởng kinh tế, tạo nguồn thu ổn định, bền vững cho NSNN, phấn đấu năm 2024 đạt dự toán thu ngân sách nhà nước.

Nhiệm vụ thu, chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2024 sẽ còn gặp rất nhiều khó khăn, vì vậy UBND huyện yêu cầu các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn phải nỗ lực cố gắng và có các giải pháp tích cực, cụ thể, phù hợp, linh hoạt để tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả, phấn đấu hoàn thành vượt mức dự toán thu, chi NSNN năm 2024 theo Nghị quyết HĐND huyện đã thông qua. /.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các Đại biểu HĐND huyện;
- Các ngành liên quan;
- VPHĐND&UBND huyện;
- UBND các xã, TT;
- Lưu: VT, TCKH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Thụ

Phụ lục I

ĐÁNH GIÁ CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số: 190/BC-UBND ngày 28/6/2024 của UBND huyện Quảng Ninh)-

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Ước thực hiện 6 tháng năm 2024	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	892.270,00	805.317,00	-86.953,00	90,25
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	355.540,00	170.052,63	-185.487,37	47,83
1	Thu NSDP hưởng 100%	37.416,00	27.601,48	-9.814,52	73,77
2	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	318.124,00	142.451,15	-175.672,85	44,78
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	473.457,00	443.913,24	-29.543,76	93,76
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	442.543,00	264.872,30	-177.670,70	59,85
2	Thu bổ sung có mục tiêu	30.914,00	179.040,94	148.126,94	579,16
III	Thu kết dư				
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	63.273,00	191.351,13	128.078,13	
B	TỔNG CHI NSDP	892.270,00	481.357,00	-410.913,00	53,95
I	Tổng chi cân đối NSDP	892.270,00	386.857,00	-505.413,00	43,36
1	Chi đầu tư phát triển	310.159,00	94.860,00	-215.299,00	30,58
2	Chi thường xuyên	566.229,00	285.812,66	-280.416,34	50,48
3	Dự phòng ngân sách	15.882,00	6.184,34	-9.697,66	38,94
II	Chi các chương trình mục tiêu				
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ				
C	Chi chuyển giao ngân sách		94.500,00	94.500,00	

r

ld

Phụ lục II

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC 6 THÁNG NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số: 190/BC-UBND ngày 28/6/2024 của UBND huyện Quảng Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2024		Thực hiện 6 tháng năm 2024		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NSNN	966.730,00	892.270,00	805.317,00	779.291,55	83,30	87,34
I	Thu nội địa	430.000,00	355.540,00	168.730,74	142.705,29	39,24	40,14
1	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	0,00	0,00	84,76	23,97		
-	Thuế giá trị gia tăng			11,33	11,33		
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp			12,64	12,64		
-	Thuế tài nguyên			60,79			
2	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	20.000,00	20.000,00	23.081,50	23.081,50	115,41	115,41
-	Thuế giá trị gia tăng			9.609,62	9.609,62		
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp			6.284,42	6.284,42		
-	Thuế tài nguyên			7.181,84	7.181,84		
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt			5,62	5,62		
3	Thuế thu nhập cá nhân	4.700,00	4.700,00	2.711,87	2.711,86	57,70	57,70
4	Lệ phí trước bạ	21.000,00	21.000,00	10.215,72	10.215,72	48,65	48,65
5	Thu phí, lệ phí	3.700,00	3.700,00	3.422,25	2.927,91	92,49	79,13
	<i>Trong đó: Phí BVMT đối với khai thác KS</i>	<i>1.824,00</i>	<i>1.824,00</i>	<i>2.058,49</i>	<i>1.843,96</i>	<i>112,86</i>	<i>101,09</i>
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100,00	100,00	87,79	87,79	87,79	87,79
7	Tiền cho thuê đất, mặt nước	4.095,00	3.875,00	6.960,43	3.480,21	169,97	89,81
8	Thu tiền sử dụng đất	363.448,00	291.008,00	114.318,07	94.445,85	31,45	32,45
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	557,00	557,00	1.149,45	1.103,84	206,36	198,18
10	Thu khác ngân sách	5.885,00	5.885,00	957,08	499,17	16,26	8,48
11	Thu phạt ATGT	1.800,00		1.614,35		89,69	
12	Thu tại xã	4.715,00	4.715,00	4.127,47	4.127,47	87,54	87,54
-	Thu hoa lợi công sản	3.895,00	3.895,00	3.558,62	3.558,62	91,36	91,36
-	Thu khác	820,00	820,00	568,85	568,85	69,37	69,37
II	Thu viện trợ						
III	Thu từ các khoản huy động, đóng góp			1.321,89	1.321,89		
IV	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	473.457,00	473.457,00	443.913,24	443.913,24	93,76	93,76
1	Thu trợ cấp cân đối	442.543,00	442.543,00	264.872,30	264.872,30	59,85	59,85
2	Thu trợ cấp mục tiêu	30.914,00	30.914,00	179.040,94	179.040,94	579,16	579,16
V	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên						
VI	Thu kết dư ngân sách						
VII	Thu chuyển nguồn	63.273,00	63.273,00	191.351,13	191.351,13		

Phụ lục III

**ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO
CƠ CẤU CHI 6 THÁNG NĂM 2024**

(Kèm theo Báo cáo số: 190/BC-UBND ngày 28/6/2024 của UBND huyện Quảng Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Ước thực hiện 6 tháng năm 2024	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSĐP	892.270,00	481.357,00	-410.913,00	53,95
A	CHI CÂN ĐỐI NSĐP	892.270,00	386.857,00	-505.413,00	43,36
I	Chi đầu tư phát triển	310.159,00	94.860,00	-215.299,00	30,58
1	Chi đầu tư cho các dự án	310.159,00	94.860,00	-215.299,00	30,58
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>				
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	12.631,90	15.220,00	2.588,10	120,49
-	Chi khoa học và công nghệ				
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>				
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	291.008,00	45.915,00	-245.093,00	15,78
-	Chi đầu tư từ nguồn vốn NS tập trung và các nguồn khác	19.151,00	48.945,00	29.794,00	255,57
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	566.229,00	285.812,66	-280.416,34	50,48
1	Chi sự nghiệp kinh tế	28.411,05	7.018,79	-21.392,26	24,70
2	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	285.725,92	147.356,00	-138.369,92	51,57
3	Chi sự nghiệp Y tế	30.476,00	13.563,00	-16.913,00	44,50
4	Chi sự nghiệp Văn hóa, TDTT, PTTH	4.509,92	2.334,00	-2.175,92	51,75
5	Chi đảm bảo xã hội	50.998,99	25.468,00	-25.530,99	49,94
6	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể	133.851,05	69.172,97	-64.678,08	51,68
7	Chi quốc phòng địa phương	6.976,38	5.438,50	-1.537,88	77,96
8	Chi an ninh địa phương	4.626,40	1.995,00	-2.631,40	43,12
9	Chi hoạt động môi trường	18.988,29	9.524,00	-9.464,29	50,16
10	Chi hỗ trợ các Hội, đơn vị khác và chi khác ngân sách	1.665,00	3.942,40	2.277,40	236,78
III	Dự phòng ngân sách	15.882,00	6.184,34	-9.697,66	38,94
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU				
C	CHI CHUYỂN GIAO NGÂN SÁCH		94.500,00	94.500,00	

2

106

Phụ lục IV

BÁO CÁO NGUỒN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN 6 THÁNG NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số: 190/BC-UBND ngày 28/6/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Quảng Ninh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Số QĐ	Ngày tháng	Nội dung	Số tiền	Cấp qua TK
I	Nguồn dự phòng ngân sách cấp huyện giao năm 2024			12.193,00	
II	Kinh phí đã được phân bổ trong năm 2024			6.184,34	
1	62	19/01/2024	KP tập huấn cán bộ cơ sở năm 2024	240,00	BCH Quân sự
2	65	19/01/2024	KP thực hiện nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới quốc gia năm 2024	105,00	ĐBP Làng Mỏ
3	73	19/01/2024	Hỗ trợ KP cho Đoàn liên ngành kiểm tra, truy quét việc khai thác, mua bán, vận chuyển lâm sản và phá rừng trái pháp luật trước, trong và sau Tết NĐ 2024	60,00	Hạt Kiểm lâm
4	114	29/01/2024	BSKP thực hiện các nhiệm vụ phát sinh, đột xuất, cấp bách của HĐND huyện trong dịp Tết Nguyên đán 2024	70,00	VP UBND
5	115	29/01/2024	KP bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn huyện bảo vệ Tết NĐ Giáp Thìn năm 2024	120,00	Công an huyện
6	117	29/01/2024	KP tuần tra kiểm soát giao thông đường thủy trên địa bàn huyện năm 2024	130,00	Công an huyện
7	122	30/01/2024	KP bảo đảm an ninh trật tự, bảo vệ Tết NĐ Giáp Thìn năm 2024	20,00	Công an TTQH
8	123	30/01/2024	KP trực SSCĐ và tổ chức Tết NĐ Giáp Thìn 2024	17,00	BCH Quân sự
9	132	31/01/2024	KP hỗ trợ trực sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024	72,00	ĐBP Làng Mỏ
10	193	28/02/2024	KP thực hiện nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm cho Đồn Biên phòng Làng Mỏ	80,00	ĐBP Làng Mỏ
11	242	08/03/2024	KP huấn luyện, luyện tập chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu năm 2024	80,00	BCH Quân sự
12	308	15/03/2024	KP phòng chống dịch bệnh, đảm bảo trật tự trị an, an ninh quốc phòng và các nhiệm vụ khẩn cấp những tháng đầu năm 2024	250,00	VP UBND
13	309	15/03/2024	KP phát quang, san lấp mặt bằng các khu đất quốc phòng, công trình quốc phòng trên địa bàn huyện năm 2024	174,00	BCH Quân sự
14	362	18/03/2024	KP sửa chữa phòng kho phục vụ công tác tiếp nhận hàng cứu trợ năm 2024	35,00	UBMT
15	520	29/03/2024	KP xây dựng công trình chào mừng ĐH thi đua Quyết thắng LLVT huyện năm 2024	318,00	BCH Quân sự
16	521	29/03/2024	KP phục vụ công tác tuyên truyền đảm bảo an ninh chính trị, TTATXH trên địa bàn huyện năm 2024	50,00	Công an huyện
17	566	05/04/2024	KP thực hiện các nhiệm vụ cấp bách chỉ đạo đảm bảo trật tự trị an, ANQP...	300,00	VP HĐND & UBND huyện
18	572	05/04/2024	KP mua vắc xin tiêm phòng bệnh dại cho đàn chó, mèo	62,00	TTDVNN
19	621	12/04/2024	KP mua sắm trang thiết bị, doanh cụ sinh hoạt tại BCH Quân sự huyện năm 2024	250,00	BCH Quân sự
20	622	15/04/2024	KP thực hiện các nhiệm vụ cấp bách chỉ đạo đảm bảo trật tự trị an, ANQP...	280,00	VP HĐND & UBND huyện
21	653	19/04/2024	KP phục vụ công tác Thi hành án hình sự về tái hòa nhập cộng đồng năm 2024	40,00	Công an huyện
22	656	19/04/2024	KP phục vụ công tác triển khai sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã huyện QN giai đoạn 2023-2025 (đợt 1)	240,00	Các đơn vị, Lương Ninh, TTQH

TT	Số QĐ	Ngày tháng	Nội dung	Số tiền	Cấp qua TK
23	658	19/04/2024	KP tập luyện và tham gia Hội thi Tổ liên gia an toàn PCCC cấp tỉnh năm 2024	130,00	Công an huyện
24	661	19/04/2024	KP phục vụ công tác chữa cháy tại khu vực xử lý rác thải huyện QN	320,00	BQL các CTCC
25	668	19/04/2024	KP trực SSCĐ dịp Giỗ Tổ Hùng Vương, 30/4, 1/5 và Lễ kỷ niệm 70 năm chiến thắng Điện Biên Phủ	450,00	BCH Quân sự
26	669	19/04/2024	KP sửa chữa mái phòng kho phục vụ công tác tiếp nhận hàng cứu trợ năm 2024	50,00	UBMT
27	692	23/04/2024	KP chống xuống cấp các di tích lịch sử trên địa bàn huyện năm 2024	80,00	Phòng VH TT
28	696	23/04/2024	KP phối hợp thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn huyện QN	120,00	Viện Kiểm sát
29	842	21/05/2024	KP phục vụ công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn kiêm BCH phòng thủ dân sự huyện năm 2024	70,00	Phòng NN
30	846	21/05/2024	KP tham gia Hội thao bắn súng quân dụng và DQTV cấp huyện và tham gia Hội thao cấp tỉnh năm 2024	58,00	BCH Quân sự
31	868	24/05/2024	KP đầu tư xây dựng công trình: Đường băng cản lửa phục vụ phòng cháy chữa cháy rừng kết hợp bảo vệ dân sinh khu vực phía Tây Nam thôn Tân Định, xã Hải Ninh	650,00	Xã Hải Ninh
32	899	30/05/2024	KP tổ chức ĐH Thi đua Quyết thắng Lực lượng vũ trang huyện Quảng Ninh, nhiệm kỳ 2019-2024	165,00	BCH Quân sự
33	900	30/05/2024	KP chữa cháy rừng trên địa bàn xã Hải Ninh từ ngày 29/4/2024 đến ngày 30/4/2024	215,80	Các xã, TT
34	953	07/06/2024	KP tham dự Lễ tuyên thệ chiến sĩ mới năm 2024	89,50	BCH Quân sự
35	954	07/06/2024	KP hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm và xây dựng đơn vị	150,00	ĐBP Làng Mỏ
36	994	14/06/2024	KP phun hóa chất phòng chống dịch bệnh cho kỳ thi tuyển sinh lớp 10 năm học 2024-2025 và tốt nghiệp THPT Quốc gia năm 2024	10,00	TT Y tế
37	1000	14/06/2024	KP phục vụ KH triển khai thực hiện Đề án ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh... (Đề án 06/CP) năm 2024	210,00	Công an huyện
38	1001	14/06/2024	KP phục vụ công tác chữa cháy tại khu vực xử lý rác thải huyện QN xảy ra ngày 29/4/2024	200,00	BQL các CTCC
39	1072	28/06/2024	KP phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản năm 2024	27,65	TTDVNN
40	1073	28/06/2024	KP hỗ trợ nhiệm vụ cấp bách phát sinh đột xuất năm 2024	50,00	VP Huyện ủy
41	1074	28/06/2024	KP mua vắc xin tiêm phòng bệnh dại cho đàn chó, mèo (đợt 2 năm 2024)	34,57	TTDVNN
42	1075	28/06/2024	KP phun tằm hóa chất phòng chống sốt rét năm 2024	25,00	TT Y tế
43	1077	28/06/2024	KP phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy rừng năm 2024	85,83	Hạt Kiểm lâm, xã Tân Ninh
III	Nguồn dự phòng còn lại chưa phân bổ			6.008,66	

Phụ lục V

BÁO CÁO ƯỚC THU NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số: 190/BC-UBND ngày 28/6/2024 của UBND huyện Quảng Ninh)

Đơn vị tính: Đồng

TT	NỘI DUNG	TỔNG CỘNG			VẠN NINH		
		Kế hoạch	ƯTH 6 tháng	Tỷ lệ	Kế hoạch	ƯTH 6 tháng	Tỷ lệ
	TỔNG THU NSX	199.347.000.000	169.838.813.699	85,2	12.965.000.000	10.756.169.177	83,0
	THU TRỪ KẾT DƯ NS	199.347.000.000	169.838.813.699	85,2	12.965.000.000	10.756.169.177	83,0
	THU TRÊN ĐỊA BÀN (I+II+VI)	114.634.000.000	48.739.765.953	42,5	6.719.000.000	3.196.693.897	47,6
I	THU CÁC KHOẢN HƯỞNG 100%	5.150.000.000	5.599.336.833	108,7	1.200.000.000	996.602.000	83,1
1	Phí và lệ phí	435.000.000	149.991.000	34,5	40.000.000	18.210.000	45,5
2	Thu hoa lợi đất công (3901;3902;3949)	3.895.000.000	3.558.615.680	91,4	1.150.000.000	967.892.000	84,2
	<i>Trong đó: Thu đền bù thiệt hại khi NN thu hồi đất (3903)</i>		812.304.000		-	140.601.000	
3	Thu các khoản đóng góp (4549;4501)		1.321.884.000		-	-	
4	Thu khác (4902;4949;4263;4299;3852;3302;3349)	820.000.000	568.846.153	69,4	10.000.000	10.500.000	105,0
	<i>Trong đó: Thu phạt (4299,4263)</i>		100.746.000		-	10.500.000	
II	CÁC KHOẢN HƯỞNG TỶ LỆ	109.484.000.000	43.140.429.120	39,4	5.519.000.000	2.200.091.897	39,9
1	Lệ phí môn bài (2850)	194.000.000	184.977.100	95,3	12.000.000	7.630.000	63,6
2	Thuế GTGT (1700)	924.000.000	599.871.423	64,9	26.000.000	19.608.024	75,4
3	Thuế thu nhập cá nhân (1000)	584.000.000	325.494.368	55,7	20.000.000	10.016.614	50,1
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt (1750)	2.000.000	2.240.000	112,0	-	-	
5	Thu tiền sử dụng đất (1400)	103.579.000.000	36.261.086.549	35,0	5.400.000.000	1.803.647.842	33,4
6	Thuế tài nguyên (1550)	1.592.000.000	3.466.748.495	217,8	-	239.716.547	
7	Thuế phi nông nghiệp (1600)	73.000.000	61.454.945	84,2	1.000.000	3.464.293	346,4
8	Phí BVMT đối với khai thác khoáng sản (2625)	912.000.000	921.979.125	101,1	-	-	
9	Lệ phí trước bạ (2800)	1.364.000.000	656.085.515	48,1	56.000.000	37.692.866	67,3
10	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (1250)	215.000.000	564.602.818	262,6	-	63.406.093	
11	Thu tiền thuế mặt đất, mặt nước (3600)	45.000.000	95.888.782	213,1	4.000.000	14.909.618	372,7
III	THU BỔ SUNG NGÂN SÁCH	84.713.000.000	94.315.529.500	111,3	6.246.000.000	5.667.000.000	90,7
1	Bổ sung cân đối NS (4651)	84.713.000.000	43.129.302.000	50,9	6.246.000.000	3.123.000.000	50,0
2	Bổ sung có mục tiêu		51.186.227.500		-	2.544.000.000	
IV	THU CHUYÊN NGUỒN NS (0902)		26.783.518.246		-	1.892.475.280	
V	THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH (4801)						
VI	THU VIỆN TRỢ 5100						

162

TT	NỘI DUNG	AN NINH			TÂN NINH		
		Kế hoạch	ƯTH 6 tháng	Tỷ lệ	Kế hoạch	ƯTH 6 tháng	Tỷ lệ
	TỔNG THU NSX	15.777.000.000	20.982.005.641	133,0	6.959.000.000	5.776.989.927	83,0
	THU TRỪ KẾT DƯ NS	15.777.000.000	20.982.005.641	133,0	6.959.000.000	5.776.989.927	83,0
	THU TRÊN ĐỊA BÀN (I+II+VI)	9.411.000.000	14.140.829.932	150,3	2.208.000.000	1.084.404.840	49,1
I	THU CÁC KHOẢN HƯỞNG 100%	450.000.000	289.648.000	64,4	980.000.000	829.443.425	84,6
1	Phí và lệ phí	25.000.000	12.072.000	48,3	35.000.000	17.728.000	50,7
2	Thu hoa lợi đất công (3901;3902;3949)	410.000.000	271.276.000	66,2	800.000.000	556.505.425	69,6
	<i>Trong đó: Thu đền bù thiệt hại khi NN thu hồi đất (3903)</i>					120.097.000	
3	Thu các khoản đóng góp (4549;4501)	-	-	-	-	237.210.000	
4	Thu khác (4902;4949;4263;4299;3852;3302;3349)	15.000.000	6.300.000	42,0	145.000.000	18.000.000	12,4
	<i>Trong đó: Thu phạt (4299, 4263)</i>	-	5.500.000		-	-	
II	CÁC KHOẢN HƯỞNG TỶ LỆ	8.961.000.000	13.851.181.932	154,6	1.228.000.000	254.961.415	20,8
1	Lệ phí môn bài (2850)	8.000.000	9.800.000	122,5	1.000.000	4.550.000	45,0
2	Thuế GTGT (1700)	67.000.000	46.058.844	68,7	7.000.000	3.618.400	51,7
3	Thuế thu nhập cá nhân (1000)	43.000.000	26.948.208	62,7	4.000.000	1.804.800	45,1
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt (1750)	-	-	-	-	-	-
5	Thu tiền sử dụng đất (1400)	8.800.000.000	13.671.827.760	155,4	1.200.000.000	237.117.958	19,8
6	Thuế tài nguyên (1550)	-	-	-	-	-	-
7	Thuế phi nông nghiệp (1600)	-	95.968		1.000.000	81.527	8,2
8	Phí BVMT đối với khai thác khoáng sản (2625)	-	-	-	-	-	-
9	Lệ phí trước bạ (2800)	42.000.000	93.804.388	223,3	13.000.000	6.937.452	53,4
10	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (1250)	-	-	-	-	-	-
11	Thu tiền thuế mặt đất, mặt nước (3600)	1.000.000	2.646.764	264,7	2.000.000	851.278	42,6
III	THU BỔ SUNG NGÂN SÁCH	6.366.000.000	6.074.700.000	95,4	4.751.000.000	3.923.400.000	82,6
1	Bổ sung cân đối NS (4651)	6.366.000.000	3.183.000.000	50,0	4.751.000.000	2.381.000.000	50,1
2	Bổ sung có mục tiêu		2.891.700.000			1.542.400.000	
IV	THU CHUYỂN NGUỒN NS (0902)		766.475.709			769.185.087	
V	THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH (4801)		-			-	
VI	THU VIỆN TRỞ 5100		-			-	

TT	NỘI DUNG	XUÂN NINH			HIỆN NINH		
		Kế hoạch	U' TH 6 tháng	Tỷ lệ	Kế hoạch	U' TH 6 tháng	Tỷ lệ
	TỔNG THU NSX	8.204.000.000	7.066.413.439	86,1	7.070.000.000	7.302.159.635	103,3
	THU TRỪ KẾT DƯ NS	8.204.000.000	7.066.413.439	86,1	7.070.000.000	7.302.159.635	103,3
	THU TRÊN ĐỊA BÀN (I+II+VD)	2.276.000.000	1.576.231.377	69,3	1.204.000.000	766.096.427	63,6
I	THU CÁC KHOẢN HƯỞNG 100%	100.000.000	305.987.000	306,0	255.000.000	149.567.000	58,7
1	Phí và lệ phí	35.000.000	13.131.000	37,5	35.000.000	8.429.000	24,1
2	Thu hoa lợi đất công (3901;3902;3949)	65.000.000	-	-	200.000.000	133.130.000	66,6
	<i>Trong đó: Thu đền bù thiệt hại khi NN thu hồi đất (3903)</i>	-	-	-	-	-	-
3	Thu các khoản đóng góp (4549;4501)	-	287.574.000	-	-	-	-
4	Thu khác (4902;4949;4263;4299;3852;3302;3349)	-	5.282.000	-	20.000.000	8.008.000	40,0
	<i>Trong đó: Thu phạt (4299,4263)</i>	-	3.500.000	-	-	5.500.000	-
II	CÁC KHOẢN HƯỞNG TỶ LỆ	2.176.000.000	1.270.244.377	58,4	949.000.000	616.529.427	65,0
1	Lệ phí môn bài (2850)	3.000.000	10.500.000	350,0	7.000.000	14.840.000	212,0
2	Thuế GTGT (1700)	60.000.000	42.413.556	70,7	63.000.000	44.766.652	71,1
3	Thuế thu nhập cá nhân (1000)	45.000.000	20.076.329	44,6	34.000.000	21.488.501	63,2
4	Thuế tiêu thu đặc biệt (1750)	-	-	-	-	-	-
5	Thu tiền sử dụng đất (1400)	2.000.000.000	1.180.414.940	59,0	800.000.000	130.774.350	16,3
6	Thuế tài nguyên (1550)	-	-	-	-	166.367.403	-
7	Thuế phi nông nghiệp (1600)	1.000.000	504.739	50,5	1.000.000	116.536	11,7
8	Phí BVMT đối với khai thác khoáng sản (2625)	6.000.000	-	-	-	133.384.944	-
9	Lệ phí trước bạ (2800)	60.000.000	15.905.184	-	44.000.000	5.769.022	13,1
10	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (1250)	-	-	-	-	98.300.854	-
11	Thu tiền thuế mặt đất, mặt nước (3600)	1.000.000	429.629	43,0	-	721.165	-
III	THU BỔ SUNG NGÂN SÁCH	5.928.000.000	4.405.400.000	74,3	5.866.000.000	5.847.400.000	99,7
1	Bổ sung cân đối NS (4651)	5.928.000.000	2.964.000.000	50,0	5.866.000.000	2.934.400.000	50,0
2	Bổ sung có mục tiêu	-	1.441.400.000	-	-	2.913.000.000	-
IV	THU CHUYỂN NGUỒN NS (0902)	-	1.084.782.062	-	-	688.663.208	-
V	THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH (4801)	-	-	-	-	-	-
VI	THU VIỆN TRỢ 5100	-	-	-	-	-	-



Abk

TT	NỘI DUNG	GIA NINH				VÕ NINH			
		Kế hoạch	ƯTH 6 tháng	Tỷ lệ	Kế hoạch	ƯTH 6 tháng	Tỷ lệ		
	TỔNG THU NSX	25.552.000.000	10.433.543.349	40,8	30.633.000.000	8.946.158.111	29,2		
	THU TRỪ KẾT DƯ NS	25.552.000.000	10.433.543.349	40,8	30.633.000.000	8.946.158.111	29,2		
	THU TRÊN ĐỊA BÀN (I+II+VI)	19.822.000.000	5.581.282.905	28,2	24.850.000.000	3.713.240.340	14,9		
I	THU CÁC KHOẢN HƯỞNG 100%	355.000.000	735.390.000	207,2	370.000.000	150.173.000	40,6		
1	Phí và lệ phí	30.000.000	10.673.000	35,6	30.000.000	11.824.000	39,4		
2	Thu hoa lợi đất công (3901;3902;3949)	300.000.000	672.296.000	224,1	190.000.000	103.500.000	54,5		
	<i>Trong đó: Thu đền bù thiệt hại khi NN thu hồi đất (3903)</i>		285.518.000		-	-			
3	Thu các khoản đóng góp (4549;4501)	-	-	-	-	-	-		
4	Thu khác (4902;4949;4263;4299;3852;3302;3349)	25.000.000	52.421.000	209,7	150.000.000	34.849.000	23,2		
	<i>Trong đó: Thu phạt (4299,4263)</i>		17.746.000		-	14.000.000			
II	CÁC KHOẢN HƯỞNG TỶ LỆ	19.467.000.000	4.845.892.905	24,9	24.480.000.000	3.563.067.340	14,6		
1	Lệ phí môn bài (2850)	28.000.000	24.220.000	86,5	53.000.000	42.210.000	79,6		
2	Thuế GTGT (1700)	109.000.000	56.889.576	52,2	215.000.000	144.947.970	67,4		
3	Thuế thu nhập cá nhân (1000)	68.000.000	31.154.736	45,8	127.000.000	85.257.978	67,1		
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt (1750)	-	880.000		1.000.000	-			
5	Thu tiền sử dụng đất (1400)	19.000.000.000	4.255.145.618	22,4	23.800.000.000	2.140.181.925	9,0		
6	Thuế tài nguyên (1550)	-	411.480.580		-	808.011.325			
7	Thuế phi nông nghiệp (1600)	7.000.000	1.345.975	19,2	18.000.000	14.801.693	82,2		
8	Phí BYMT đối với khai thác khoáng sản (2625)	51.000.000	-		150.000.000	238.198.200	158,8		
9	Lệ phí trước bạ (2800)	204.000.000	54.000.120	26,5	115.000.000	79.805.629	69,4		
10	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (1250)	-	-		-	6.531.857			
11	Thu tiền thuế mặt đất, mặt nước (3600)	-	10.776.300		1.000.000	3.120.763	312,1		
III	THU BỔ SUNG NGÂN SÁCH	5.730.000.000	4.543.450.000	79,3	5.783.000.000	4.757.268.000	82,3		
1	Bổ sung cân đối NS (4651)	5.730.000.000	2.868.000.000	50,1	5.783.000.000	2.906.000.000	50,3		
2	Bổ sung có mục tiêu		1.675.450.000			1.851.268.000			
IV	THU CHUYỂN NGUỒN NS (0902)		308.810.444			475.649.771			
V	THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH (4801)		-			-			
VI	THU VIỆN TRỞ 5100		-			-			

TT	NỘI DUNG	DUY NINH			HÀM NINH		
		Kế hoạch	ƯTH 6 tháng	Tỷ lệ	Kế hoạch	ƯTH 6 tháng	Tỷ lệ
	TỔNG THU NSX	7.214.000.000	6.997.010.292	97,0	19.420.000.000	9.057.942.574	46,6
	THU TRỪ KẾT DƯ NS	7.214.000.000	6.997.010.292	97,0	19.420.000.000	9.057.942.574	46,6
	THU TRÊN ĐỊA BÀN (H+VJ)	1.518.000.000	1.649.667.036	108,7	13.542.000.000	3.149.743.940	23,3
I	THU CÁC KHOẢN HƯỞNG 100%	172.000.000	134.161.680	78,0	395.000.000	977.065.008	320,3
1	Phí và lệ phí	32.000.000	11.836.000	37,0	25.000.000	3.122.000	12,5
2	Thu hoa lợi đất công (3901;3902;3949)	100.000.000	102.554.680	102,6	180.000.000	140.153.008	77,9
	<i>Trong đó: Thu đền bù thiệt hại khi NN thu hồi đất (3903)</i>		90.297.000		-	-	
3	Thu các khoản đóng góp (4549;4501)	-	-		-	797.100.000	
4	Thu khác (4902;4949;4263;4299;3852;3302;3349)	40.000.000	19.771.000	49,4	100.000.000	36.690.000	36,7
	<i>Trong đó: Thu phạt (4299, 4263)</i>	-	-		-	1.500.000	
II	CÁC KHOẢN HƯỞNG TỶ LỆ	1.346.000.000	1.515.505.356	112,6	13.237.000.000	2.172.678.932	16,4
1	Lệ phí môn bài (2850)	9.000.000	9.170.000	101,9	4.000.000	3.150.000	78,8
2	Thuế GTGT (1700)	49.000.000	28.205.976	57,6	6.000.000	3.877.674	64,6
3	Thuế thu nhập cá nhân (1000)	46.000.000	18.945.763	41,2	3.000.000	1.939.259	64,6
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt (1750)	-	-		-	-	
5	Thu tiền sử dụng đất (1400)	1.200.000.000	1.436.889.208	119,7	13.200.000.000	2.143.499.848	16,24
6	Thuế tài nguyên (1550)	-	-		-	-	
7	Thuế phi nông nghiệp (1600)	1.000.000	2.226	0,2	1.000.000	-	
8	Phí BVMT đối với khai thác khoáng sản (2625)	-	-		-	-	
9	Lệ phí trước bạ (2800)	41.000.000	21.943.281	53,5	23.000.000	16.848.568	73,3
10	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (1250)	-	-		-	-	
11	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước (3600)	-	348.902		-	3.363.583	
III	THU BỔ SUNG NGÂN SÁCH	5.696.000.000	5.067.760.000	89,0	5.878.000.000	4.655.200.000	79,2
1	Bổ sung cân đối NS (4651)	5.696.000.000	2.876.000.000	50,5	5.878.000.000	2.939.200.000	50,0
2	Bổ sung có mục tiêu		2.191.760.000			1.716.000.000	
IV	THU CHUYỂN NGUỒN NS (0902)		279.583.256			1.252.998.634	
V	THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH (4801)		-			-	
VI	THU VIỆN TRỢ 5100		-			-	

TT	NỘI DUNG	LƯƠNG NINH			VĨNH NINH		
		Kế hoạch	ƯTH 6 tháng	Tỷ lệ	Kế hoạch	ƯTH 6 tháng	Tỷ lệ
	TỔNG THU NSX	8.086.000.000	9.002.082.026	111,3	13.670.000.000	13.103.228.512	95,9
	THU TRỪ KẾT DƯ NS	8.086.000.000	9.002.082.026	111,3	13.670.000.000	13.103.228.512	95,9
	THU TRÊN ĐỊA BÀN (I+II+VI)	3.084.000.000	1.749.042.574	56,7	7.342.000.000	7.789.138.512	106,1
I	THU CÁC KHOẢN HƯỞNG 100%	190.000.000	84.333.600	44,4	403.000.000	398.455.467	98,9
1	Phí và lệ phí	30.000.000	5.018.000	16,7	43.000.000	15.094.000	35,1
2	Thu hoa lợi đất công (3901;3902;3949)	130.000.000	71.459.600	55,0	270.000.000	337.634.467	125,0
	<i>Trong đó: Thu đền bù thiệt hại khi NV thu hồi đất (3903)</i>	-	-	-	-	-	-
3	Thu các khoản đóng góp (4549;4501)	-	-	-	-	-	-
4	Thu khác (4902;4949;4263;4299;3852;3302.3349)	30.000.000	7.856.000	26,2	90.000.000	45.727.000	50,8
	<i>Trong đó: Thu phạt (4299,4263)</i>	-	-	-	-	4.000.000	-
II	CÁC KHOẢN HƯỞNG TỶ LỆ	2.894.000.000	1.664.708.974	57,5	6.939.000.000	7.390.683.045	106,5
1	Lệ phí môn bài (2850)	10.000.000	9.520.000	95,2	9.000.000	7.490.000	83,2
2	Thuế GTGT (1700)	52.000.000	27.519.340	52,9	13.000.000	7.516.000	57,8
3	Thuế thu nhập cá nhân (1000)	35.000.000	15.577.556	44,5	8.000.000	3.795.400	47,4
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt (1750)	-	-	-	-	-	-
5	Thu tiền sử dụng đất (1400)	2.579.000.000	1.512.487.402	58,6	6.800.000.000	6.559.294.626	96,5
6	Thuế tài nguyên (1550)	-	5.647.495	-	-	383.873.143	-
7	Thuế phi nông nghiệp (1600)	8.000.000	11.175.950	139,7	-	2.658.625	-
8	Phí BVMT đối với khai thác khoáng sản (2625)	10.000.000	3.622.300	36,2	-	202.894.490	-
9	Lệ phí trước bạ (2800)	194.000.000	70.646.797	36,4	109.000.000	60.834.520	55,8
10	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (1250)	-	-	-	-	137.838.652	-
11	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước (3600)	6.000.000	8.512.134	141,9	-	24.487.589	9,0
III	THU BỔ SUNG NGÂN SÁCH	5.002.000.000	3.930.536.000	78,8	6.328.000.000	4.987.242.000	78,8
1	Bổ sung cân đối NS (4651)	5.002.000.000	2.722.000.000	54,4	6.328.000.000	3.164.200.000	50,0
2	Bổ sung có mục tiêu	-	1.208.536.000	-	-	1.823.042.000	-
IV	THU CHUYỂN NGUỒN NS (0902)	-	3.322.503.452	-	-	326.848.000	-
V	THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH (4801)	-	-	-	-	-	-
VI	THU VIỆN TRỢ 5100	-	-	-	-	-	-

TT	NỘI DUNG	TRƯỜNG XUÂN			TRƯỜNG SƠN		
		Kế hoạch	ƯTH 6 tháng	Tỷ lệ	Kế hoạch	ƯTH 6 tháng	Tỷ lệ
	TỔNG THU NSX	7.114.000.000	13.583.388.379	190,9	9.624.000.000	32.458.014.028	337,3
	THU TRỪ KẾT DƯ NS	7.114.000.000	13.583.388.379	190,9	9.624.000.000	32.458.014.028	337,3
	THU TRÊN ĐỊA BÀN (I+II+V)	4.211.000.000	2.134.442.269	50,7	543.000.000	172.177.471	31,7
I	THU CÁC KHOẢN HƯỞNG 100%	90.000.000	61.863.153	68,7	120.000.000	135.340.000	112,8
1	Phí và lệ phí	10.000.000	8.351.000	83,5	10.000.000	-	
2	Thu hoa lợi đất công (3901;3902;3949)	40.000.000	24.000.000	60,0	10.000.000	-	
	<i>Trong đó: Thu đền bù thiệt hại khi NN thu hồi đất (3903)</i>		24.000.000		-	-	
3	Thu các khoản đóng góp (4549;4501)	-	-		-	-	
4	Thu khác (4902;4949;4263;4299;3852;3302;3349)	40.000.000	29.512.153	73,8	100.000.000	135.340.000	135,3
	<i>Trong đó: Thu phạt (4299,4263)</i>		14.500.000		-	2.500.000	
II	CÁC KHOẢN HƯỞNG TỶ LỆ	4.121.000.000	2.072.579.116	50,3	423.000.000	36.837.471	8,7
1	Lệ phí môn bài (2850)	-	-		2.000.000	1.260.000	63,0
2	Thuế GTGT (1700)				8.000.000	6.104.220	76,3
3	Thuế thu nhập cá nhân (1000)				5.000.000	3.977.495	79,5
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt (1750)				-	-	
5	Thu tiền sử dụng đất (1400)	1.600.000.000	5.912.000	0,4	400.000.000	11.195.520	2,8
6	Thuế tài nguyên (1550)	1.592.000.000	1.449.831.512	91,1	-	1.820.490	
7	Thuế phi nông nghiệp (1600)	-	374.192		1.000.000	13.811	1,4
8	Phí BVMT đối với khai thác khoáng sản (2625)	695.000.000	343.129.191	49,4	-	750.000	
9	Lệ phí trước bạ (2800)	16.000.000	10.230.979	63,9	7.000.000	1.212.381	17,3
10	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (1250)	215.000.000	258.525.362	120,2	-	-	
11	Thu tiền thuế mặt đất, mặt nước (3600)	3.000.000	4.575.880	152,5	-	10.503.554	
III	THU BỔ SUNG NGÂN SÁCH	2.903.000.000	7.642.086.500	263,2	9.081.000.000	23.788.800.000	262,0
1	Bổ sung cân đối NS (4651)	2.903.000.000	1.463.000.000	50,4	9.081.000.000	4.900.000.000	54,0
2	Bổ sung có mục tiêu		6.179.086.500			18.888.800.000	
IV	THU CHUYÊN NGUỒN NS (0902)		3.806.859.610			8.497.036.557	
V	THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH (4801)		-			-	
VI	THU VIỆN TRỢ 5100		-			-	



TT	NỘI DUNG	HẢI NINH				THỊ TRẦN QUẬN HẦU			
		Kế hoạch	ƯTH 6 tháng	Tỷ lệ	Kế hoạch	ƯTH 6 tháng	Tỷ lệ		
	TỔNG THU NSX	9.333.000.000	8.939.480.366	95,8	17.726.000.000	5.434.228.243	30,7		
	THU TRỪ KẾT DƯ NS	9.333.000.000	8.939.480.366	95,8	17.726.000.000	5.434.228.243	30,7		
I	THU TRÊN ĐỊA BÀN (I+II+VD)	5.114.000.000	1.031.319.366	20,2	12.790.000.000	1.005.455.067	7,9		
	THU CÁC KHOẢN HƯỞNG 100%	70.000.000	307.503.000	439,3	90.000.000	43.804.500	48,7		
1	Phí và lệ phí	35.000.000	9.172.000	26,2	20.000.000	5.331.000	26,7		
2	Thu hoa lợi đất công (3901;3902;3949)	-	151.791.000	-	50.000.000	26.423.500	52,8		
	<i>Trong đó: Thu đền bù thiệt hại khi NN thu hồi đất (3903)</i>	-	151.791.000	-	-	-	-		
3	Thu các khoản đóng góp (4549;4501)	-	-	-	-	-	-		
4	Thu khác (4902;4949;4263;4299;3852;3302;3349)	35.000.000	146.540.000	418,7	20.000.000	12.050.000	60,3		
	<i>Trong đó: Thu phạt (4299;4263)</i>	-	12.500.000	-	-	9.000.000	-		
II	CÁC KHOẢN HƯỞNG TỶ LỆ	5.044.000.000	723.816.366	14,4	12.700.000.000	961.650.567	7,6		
1	Lệ phí môn bài (2850)	14.000.000	12.110.000	86,5	34.000.000	28.527.100	83,9		
2	Thuế GTGT (1700)	28.000.000	16.630.400	59,4	221.000.000	151.714.791	68,6		
3	Thuế thu nhập cá nhân (1000)	15.000.000	9.244.000	61,6	131.000.000	75.267.729	57,5		
4	Thuế tiêu thu đặc biệt (1750)	-	-	-	1.000.000	1.360.000	136,0		
5	Thu tiền sử dụng đất (1400)	4.600.000.000	575.394.690	12,5	12.200.000.000	597.302.862	4,9		
6	Thuế tài nguyên (1550)	-	-	-	-	-	-		
7	Thuế phi nông nghiệp (1600)	4.000.000	1.799.822	45,0	29.000.000	25.019.588	86,3		
8	Phí BVMT đối với khai thác khoáng sản (2625)	-	-	-	-	-	-		
9	Lệ phí trước bạ (2800)	371.000.000	108.145.566	29,1	69.000.000	72.308.762	104,8		
10	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (1250)	-	-	-	-	-	-		
11	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước (3600)	12.000.000	491.888	4,1	15.000.000	10.149.735	67,7		
III	THU BỔ SUNG NGÂN SÁCH	4.219.000.000	4.759.661.000	112,8	4.936.000.000	4.265.626.000	86,4		
1	Bổ sung cân đối NS (4651)	4.219.000.000	2.109.502.000	50,0	4.936.000.000	2.596.000.000	52,6		
2	Bổ sung có mục tiêu	-	2.650.159.000	-	-	1.669.626.000	-		
IV	THU CHUYÊN NGUYÊN NS (0902)	-	3.148.500.000	-	-	163.147.176	-		
V	THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH (4801)	-	-	-	-	-	-		
II	THU VIỆN TRỢ 5100	-	-	-	-	-	-		

2